



**PHỤ LỤC IA**

**Thực trạng số lượng, quy mô số hộ gia đình tại các thôn trên địa bàn xã Bình Giang tính đến ngày 20/5/2026**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bình Giang)

STT	Tên thôn	Quy mô thôn						Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)				
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9	
	<b>Tổng</b>	<b>9,529</b>	<b>2,382</b>	<b>32,507</b>	<b>2,586</b>		<b>40</b>	<b>28</b>		
<b>I</b>	<b>ĐÔI VỚI XÃ BÌNH GIANG</b>									
1	thôn Lôi Trì	507	126.75	1830	188.32	thôn bị chia cắt	3	2		
2	thôn An Dật	224	56	762	53.3		2	1		
3	thôn Phú Bù	285	71.25	939	97.8		3	1		
4	thôn Trinh-Nữ	371	92.75	1322	119.2		2	2		
5	thôn Lôi Khê	454	113.5	1520	140.7		2	2		
6	thôn Phú Đa	525	131.25	1807	110.9		2	2		
7	thôn Bá Hợp	355	88.75	1250	122.36		3	0		
8	thôn Bá Thủy	309	77.25	1021	98.06		2	2		
9	thôn Cây	1629	407.25	5694	306.3	thôn bị chia cắt	2	2		
10	thôn Tân Hưng	811	202.75	2831	223.3		2	2		
11	thôn Bằng Giã	586	146.5	2006	134		3	2		



STT	Tên thôn	Quy mô thôn					Số người hoạt động không chuyên trách ở thôn	Số người tham gia hoạt động trực tiếp ở thôn	Ghi chú
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)			
4	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	thôn Bình An	465	116.25	1538	124.27		3	2	
13	thôn Lý Đò	521	130.25	1770	148.6		3	1	
14	thôn Hạ Bì	509	127.25	1680	127.36	thôn bị chia cắt	2	1	
15	thôn Bì Đò	697	174.25	2251	177.93		2	2	
16	thôn Cam Xá	605	151.25	1954	191.4		2	2	
17	thôn Ó Xuyên	676	169	2332	222		2	2	

**Ghi chú:** Thôn dự kiến có từ 400 hộ trở lên, tổ dân phố dự kiến có từ 550 hộ trở lên.



**PHỤ LỤC IB**  
**Hàng hợp thực trạng quy mô số hộ gia đình của thôn**  
**trên địa bàn xã Bình Giang**

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Bình Giang)

TT	Tên địa phương	Số hộ (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Số đảng viên (người)	Số thôn hiện có							
					Tổng số	Trong đó quy mô số hộ gia đình				Ghi chú		
						Dưới 50%	Từ 50% đến dưới 70%	Từ 70% đến dưới 100%	Từ 100% trở lên			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9		
1	Xã Bình Giang	9.529	32.507	1.534	17	0	1	4	12			





**PHỤ LỤC SỐ 2**

**Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn trên địa bàn xã Bình Giang**

(Kèm theo Đề án số          /ĐA-UBND ngày          /6/2026 của UBND xã Bình Giang)

TT	Tên địa phương	Số lượng thôn	Các tổ chức tại thôn																So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp	Chi chú		
			Trước khi sắp xếp thôn								Sau khi sắp xếp thôn											
			Trong đó								Trong đó											
Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thấp độ, người cao tuổi...)	Tổng số	Chi bộ	Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thấp độ, người cao tuổi...)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23
1	Xã Bình Giang	17	17	18	17	18	18	20	18	0	17	14	15	14	15	15	17	15	0	14	-3	





**PHỤ LỤC 4**

**Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Bình Giang**

(Xem theo Đề án số

ĐA-UBND ngày

/6/2026 của UBND xã Bình Giang)

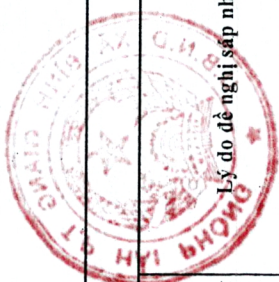
TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp xếp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Thực hiện sắp xếp, sáp nhập 06 thôn thành 03 thôn mới, giữ nguyên 11 thôn, sau sắp xếp có 11 thôn đảm bảo quy mô số hộ gia đình; giảm 03 thôn

1	Thôn An Dật	224	762	53.30	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Phú Búi với thôn An Dật để thành lập Thôn An Phú	509	1701	151.1	03 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; cả 02 thôn quy mô dưới 50% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	127.25
	Thôn Phú Búi	285	939	97.80							
2	Thôn Trinh Nữ	371	1322	119.20	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Trinh Nữ với thôn Lôi Khê để thành lập Thôn Bến Nứa	825	2842	259.9	03 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; cả 01 thôn quy mô dưới 50%; 01 thôn có quy mô từ 50% đến dưới 70% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	206.25
	Thôn Lôi Khê	454	1520	140.7							
3	Thôn Bá Thủy	309	1.021	98.06	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bá Thủy với thôn Bá Hợp để thành lập Thôn Bá Hợp	664	2271	220.42	03 Nhà văn hóa	02 thôn có vị trí liền kề nhau; cả 02 thôn quy mô dưới 50% số hộ gia đình; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	166.00
	Thôn Bá Hợp	355	1.250	122.36							



TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định	
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư		Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	
4	thôn Lôi Trì	507	1830	188.32	Giữ nguyên	507	1830	188.32	02 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	126.75
5	thôn Phú Đa	525	1807	110.90	Giữ nguyên	525	1807	110.90	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	131.25
6	thôn Cây	1629	5694	306.30	Giữ nguyên	1629	5694	306.30	05 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	407.25
7	thôn Tân Hưng	811	2831	223.3	Giữ nguyên	811	2831	223.3	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	202.75
8	thôn Bằng Già	586	2006	134.00	Giữ nguyên	586	2006	134.00	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	146.50
9	thôn Bình An	465	1538	124.27	Giữ nguyên	465	1538	124.27	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	116.25
10	thôn Lý Đò	521	1770	148.60	Giữ nguyên	521	1770	148.60	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	130.25
11	thôn Hạ Bì	509	1680	127.36	Giữ nguyên	509	1680	127.36	02 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	127.25
12	thôn Bì Đò	697	2251	177.93	Giữ nguyên	697	2251	177.93	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	174.25



TT	Tên thôn cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại						Tỷ lệ % số hộ của Thôn sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp nhập	
1		3		4	6	7	8	9	10	11	12
13	thôn Cam Xá	605	1954	191.40	Giữ nguyên	605	1954	191.40	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	151.25
14	thôn Ô Xuyên	676	2332	222.00	Giữ nguyên	676	2332	222.00	01 Nhà văn hóa	Giữ nguyên do đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định	169.00

**Ghi chú :** Liệt kê tất cả thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã, phường, đặc khu (bao gồm cả sắp xếp, tổ chức lại và giữ nguyên).







**PHỤ LỤC 5**

**DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN**

**NHỜNG ĐỊA PHƯƠNG ĐỀ XUẤT KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TÒ CHỨC LẠI**

(Kèm theo Phương án số /PA-UBND ngày /05/2026 của UBND xã Bình Giang)

STT	Tên thôn/tổ dân phố	Quy mô thôn/tổ dân phố						Lý do không thực hiện sắp xếp
		Số hộ gia đình	Đạt tỷ lệ so với quy định	Tổng số dân	Diện tích (ha)	Yếu tố đặc thù (nếu có)		
1	Không							
4	1	2	3	4	5	6	9	

Tổng số 00 thôn





**PHỤ LỤC 3**  
**Tổng hợp số lượng, quy mô thôn sau khi sắp xếp trên địa bàn xã Bình Giang**  
*(Kèm theo Công văn số /UBND-VHXH ngày /5/2026 của UBND xã Bình Giang)*

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Số thôn hiện có	Số thôn tiến hành sắp xếp						Số thôn sau sắp xếp						Số lượng phương án sắp xếp			Số thôn chưa đảm bảo quy mô nhưng không thực hiện sắp xếp	Số thôn giảm sau khi sắp xếp	Số người HD KCT dự kiến giảm	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giảm	Trụ sở nhà văn hóa đối dư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó quy mô			Trong đó quy mô			Tổng số	Trong đó quy mô			Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
1	XÃ BÌNH GIANG	17	6		1	4	1	14	0	0	0	14	3	0	0	0	3	5	1		Không đối dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng		





**PHỤ LỤC 6B**

**TỔNG HỢP DANH SÁCH THÔN KHÔNG ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN SAU SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI**

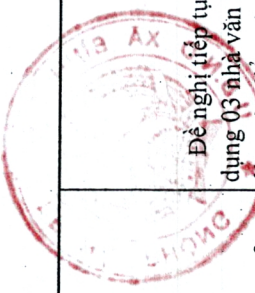
(Kèm theo Phương án số            /PA-UBND ngày            /05/2026 của UBND xã Bình Giang)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại							Tỷ lệ % số hộ của Thôn/TDP sau sắp xếp so với quy mô số hộ gia đình theo quy định
					Phương án, tên thôn/tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Diện tích (ha)	Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội phục vụ sinh hoạt của cộng đồng dân cư	Lý do đề nghị sắp nhập	12	
1		3		4	6	7	8	9	10	11	12	
0	Không										0.00	

*Tổng số 00 tổ dân phố*







Đề nghị tiếp tục sử dụng 03 nhà văn hóa để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng của thôn và các xóm

3	Bá Hợp	Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại thôn Bá Thủy với thôn Bá Hợp để thành lập Thôn Bá Hợp	3	3	0	1	1	0	3	0	0	0	0	
	Bá Thủy													